

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2025

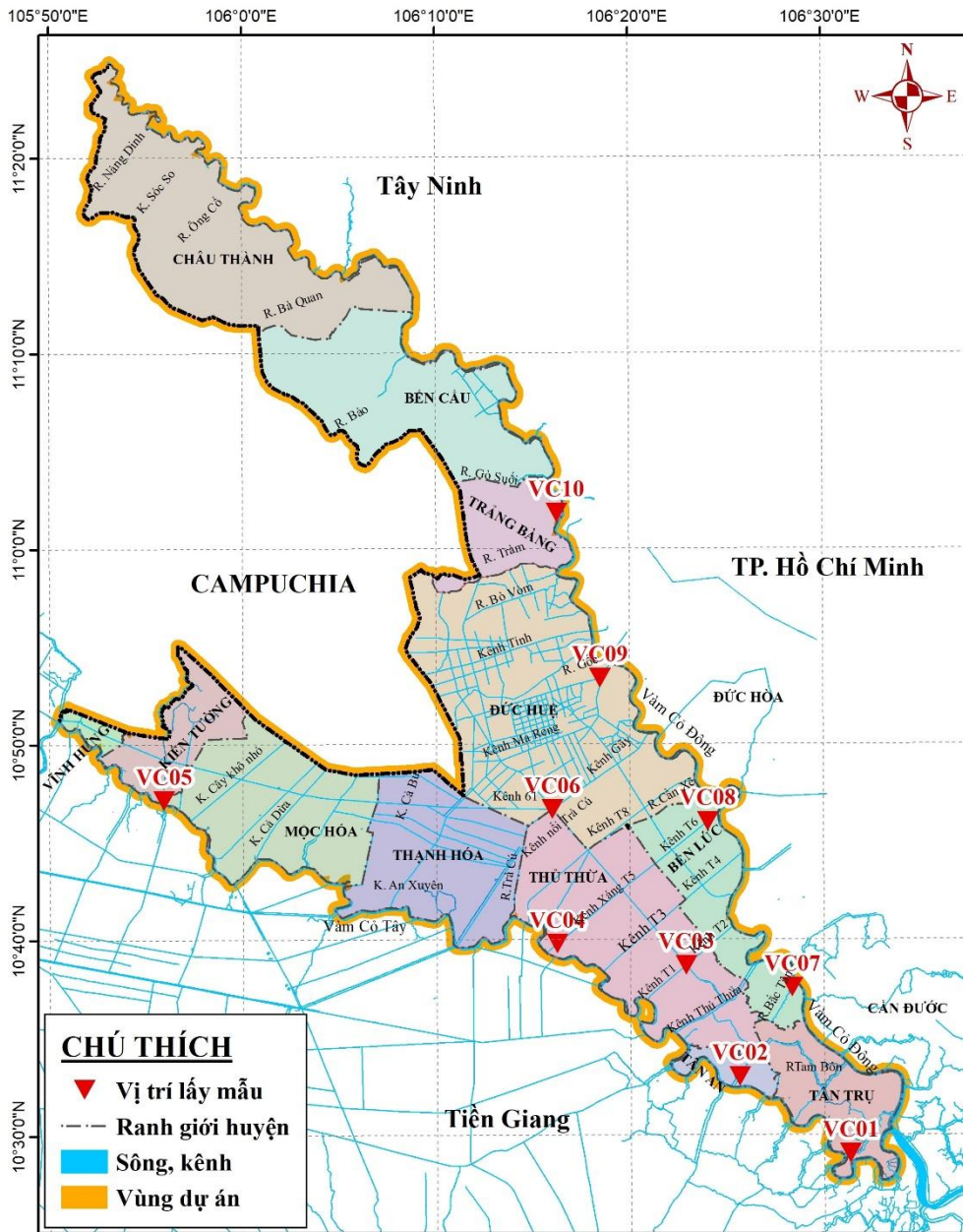
## BẢN TIN TUẦN

**“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi giữa hai sông Vàm Cỏ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”**  
(ngày lấy mẫu 08-10/07/2025)

### I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần ngày 08-10/07/2025 (ngày 14-16/06 ÂL)

#### 1. Vị trí lấy mẫu

Dự án quan trắc 10 vị trí khảo sát phân bố đều trên hệ thống vùng kẹp giữa hai sông Vàm Cỏ để phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



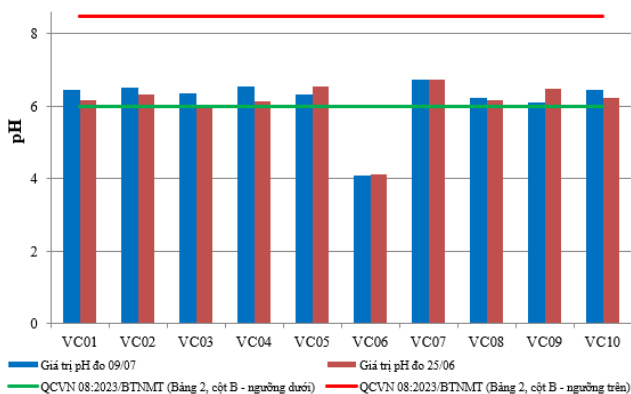
Hình 1: Vị trí lấy mẫu hiện trường

## 2. Thông tin lúc lấy mẫu

Stt	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
1	VC01	Sau cống Thôn Thành	Trời âm u nhiều mây	Nước lớn	SX vụ Hè Thu
2	VC02	Sau cống Châu Thê	Trời nắng, gió nhẹ	Nước lớn	SX vụ Hè Thu
3	VC03	Bo Bo	Trời âm u nhiều mây	Nước ròng	SX vụ Hè Thu
4	VC04	T5	Trời nắng dịu	Nước lớn	SX vụ Hè Thu
5	VC05	Kênh Ba Xã	Trời nắng dịu	Nước lớn	SX vụ Hè Thu
6	VC06	Trà Cú Thượng	Trời nắng và ít mây	Nước ròng	SX vụ Hè Thu
7	VC07	Sau cống Cầu Bót	Trời nắng, gió nhẹ	Nước lớn	SX vụ Hè Thu
8	VC08	T6	Trời không có nắng	Nước lớn	SX vụ Hè Thu
9	VC09	Rạch Góc	Trời không có nắng	Nước ròng	SX vụ Hè Thu
10	VC10	Vàm Cỏ Đông	Trời nắng, gió nhẹ	Nước ròng	SX vụ Hè Thu

## 3. Kết quả đo đạc

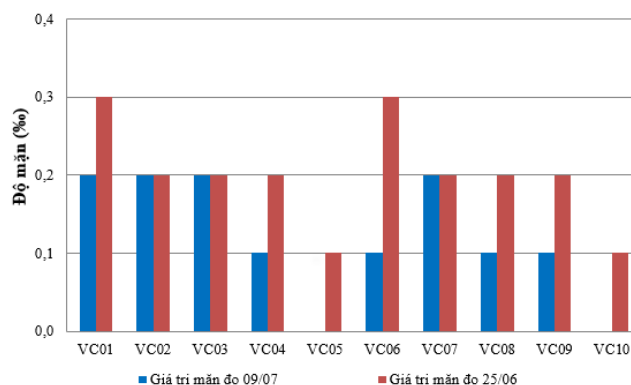
### 3.1. Thông số chỉ thị ô nhiễm phèn và mặn hóa



Hình 2: Biểu đồ giá trị pH tại các vị trí lấy mẫu ngày 08-10/07

Kết quả phân tích mẫu nước ngày 08-10/07 cho thấy, pH tại hầu hết các vị trí đều ngưỡng cho phép theo QCVN08:2023/BTNMT (bảng 2, cột B), và tương đồng với kỳ đo ngày 25/06, pH dao động từ 4,08÷6,74, giá trị pH chênh lệch không nhiều giữa các vị trí quan trắc, ngoài trừ vị trí VC06 có pH thấp nhất.

**Nhận xét:** Mức độ chua phèn tại các vị trí thấp (vị trí VC06 giá trị pH đã cải thiện so với đợt đo trước đó).



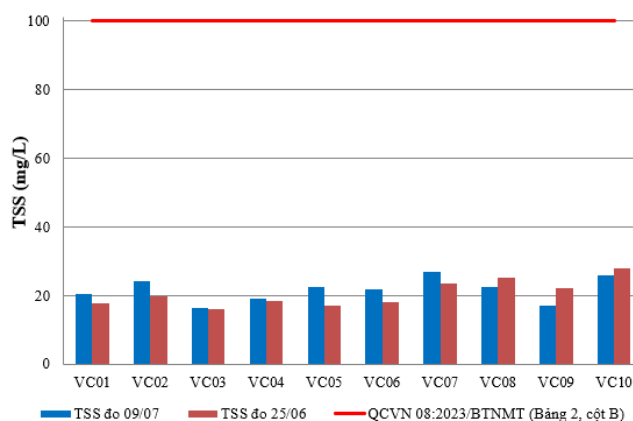
Hình 3: Biểu đồ giá trị mặn tại các vị trí lấy mẫu ngày 08-10/07

Độ mặn ngày 08-10/07 nhỏ hơn so với giá trị 25/06, độ mặn thấp gần như bằng không, nguyên nhân là do khu vực đã bước vào mùa mưa, nên xâm nhập mặn trên 2 sông Vàm Cỏ giảm so mùa khô.

**Nhận xét:** Cần chú ý và theo dõi độ mặn thường xuyên tại các vị trí trên 2 sông chính Vàm Cỏ để không bị thụ động công tác kiểm soát mặn trong hệ thống.

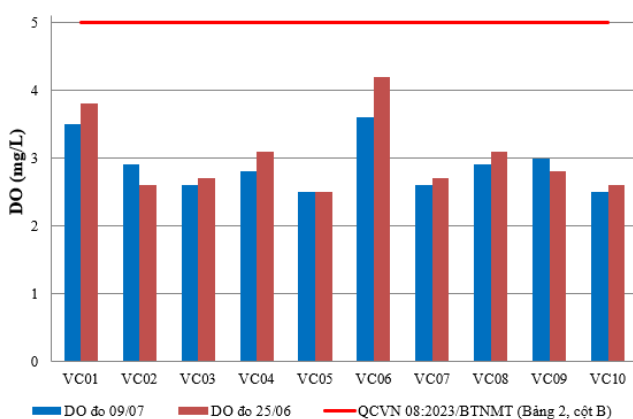
### 3.2. Các thông số hóa lý

### a. Chất rắn lơ lửng TSS



Hình 4: Biểu đồ giá trị TSS tại các vị trí lấy mẫu ngày 08-10/07

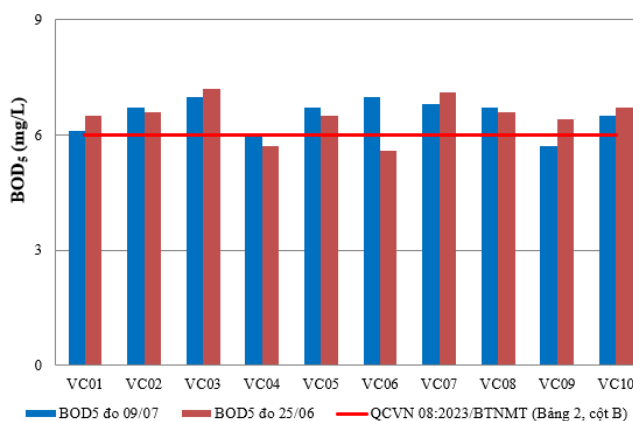
### b. Oxy hòa tan (DO)



Hình 5: Biểu đồ giá trị DO tại các vị trí lấy mẫu ngày 08-10/07

### c. Thông số chỉ thị ô nhiễm chất hữu cơ

#### - Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD<sub>5</sub>)



Hình 6: Biểu đồ giá trị BOD<sub>5</sub> tại các vị trí lấy mẫu ngày 08-10/07

Kết quả phân tích ngày 08-10/07 cho thấy hàm lượng TSS có trong nước vào thời điểm mùa mưa tại các vị trí thấp hơn so với QCVN08:2023/BTNMT (Bảng 2, cột B) và tương đồng so với giá trị đo ngày 25/06, dao động trong khoảng 16,3 ÷ 26,9 mg/L.

*Nhận xét:* Hàm lượng TSS trong khu vực vẫn đảm bảo yêu cầu lấy nước cho nhu cầu trồng trọt và tưới tiêu.

Phân tích mẫu nước ngày 08-10/07 cho thấy, oxy hòa tan (DO) trong vùng rất thấp và thấp hơn so với kỳ đo ngày 25/06, dao động từ 2,5 ÷ 3,6 mg/L, thấp hơn ngưỡng yêu cầu theo QCVN08:2023/BTNMT (bảng 2, cột B).

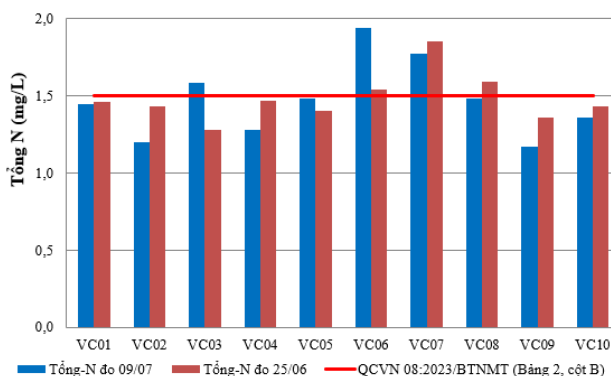
*Nhận xét:* Hàm lượng DO tại các vị trí rất thấp so với QCVN, cần có những biện pháp tăng hàm lượng Oxi hòa tan trước khi lấy nước cho SXNN và NTTS

Kết quả phân tích cho thấy, BOD<sub>5</sub> ngày 08-10/07 tương đồng so đợt đo ngày 25/06 và một số vị trí lớn hơn giới hạn cho phép theo QCVN08:2023/BTNMT (cột B, bảng 2); BOD<sub>5</sub> dao động từ 5,7 ÷ 7,0 mg/L.

*Nhận xét:* Nguồn nước tại một số vị trí như VC03, VC06, VC07, VC08 có dấu hiệu bị ô nhiễm hữu cơ mức độ nhẹ. Kiến nghị giải pháp mở cống để giảm thiểu ô nhiễm các chất hữu cơ tại các vị trí này.

#### d. Thông số chỉ thị ô nhiễm chất dinh dưỡng

##### - Giá trị tổng N (Ni-tơ)

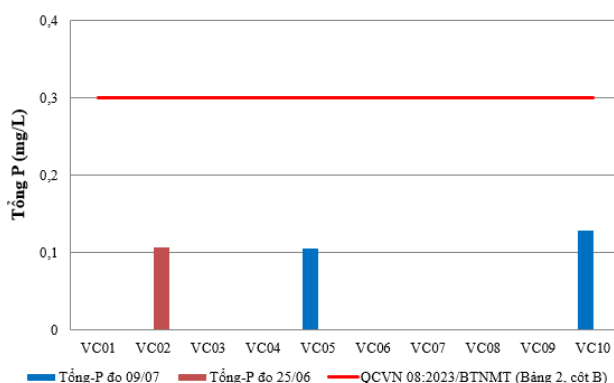


Hình 7: Biểu đồ giá trị tổng N tại các vị trí lấy mẫu ngày 08-10/07

Hàm lượng tổng N ngày 08-10/07 tại hầu hết các vị trí thấp hơn so với QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2, cột B), ngoại trừ vị trí VC06, VC07; và giảm so với đợt đo ngày 25/06, dao động trong khoảng  $1,17 \div 1,94$  mg/L.

Nhận xét: Nguồn các chất dinh dưỡng có trong nước tại các vị trí đã đã được cải thiện đáng kể, tình trạng ô nhiễm đã giảm, nhưng cần chú ý để nguồn nước không bị tái ô nhiễm.

##### - Giá trị tổng P (Phosphor)

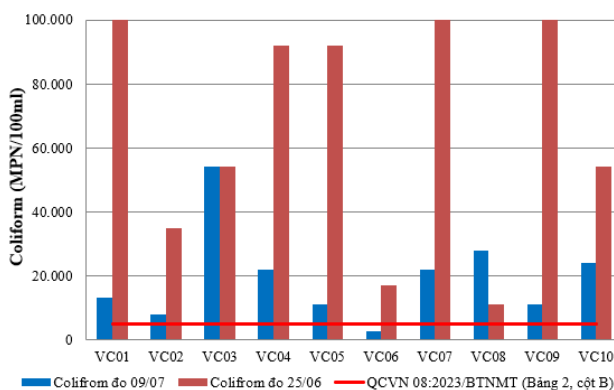


Hình 8: Biểu đồ giá trị tổng P tại các vị trí lấy mẫu ngày 08-10/07

Kết quả phân tích ngày 08-10/07 cho thấy, hàm lượng tổng P thấp hơn so với kỳ đo ngày 25/06; và có giá trị nhỏ hơn QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, cột B). Một số vị trí không phát hiện nồng độ tổng P có trong nước

Nhận xét: Giá trị tổng P vẫn nằm trong giới hạn cho phép nên chưa gây ra hiện tượng phú dưỡng.

### 3.3. Thông số chỉ thị ô nhiễm vi sinh



Hình 9: Biểu đồ giá trị Coliform tại các vị trí lấy mẫu ngày 08-10/07

Kết quả phân tích ngày 08-10/07, số lượng Coliform trong nước tại một vài vị trí khá cao, đặc biệt vị trí như VC03, kết quả ngày 08-10/07 số lượng vi sinh giảm so với ngày 25/06 trước đó và một vài vị trí lớn hơn giới hạn cho phép theo QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, cột B), dao động từ  $2.600 \div 54.000$  MPN/100mL, nguyên nhân là do phân hữu cơ, nước thải sinh hoạt trực tiếp xuống kênh gây ô nhiễm nguồn nước.

#### 4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

Giá trị WQI đã tính toán với 7 thông số: pH, DO, BOD<sub>5</sub>, COD, N-NH<sub>4</sub>, P-PO<sub>4</sub> và TSS. Mức đánh giá chất lượng nước theo các giá trị WQI được trình bày trong bảng sau

*Bảng 1: Thang mức đánh giá chất lượng nước theo các giá trị WQI*

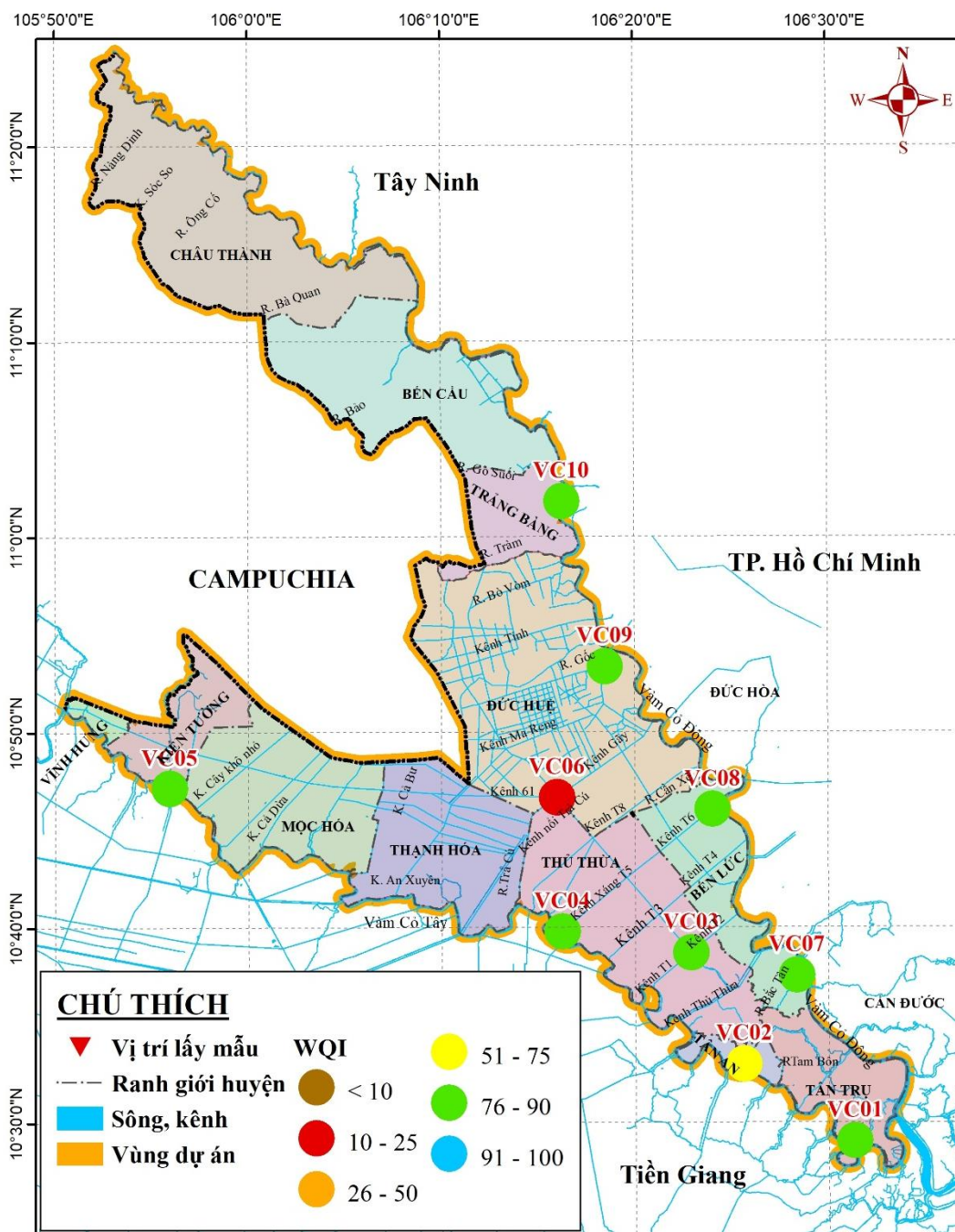
Loại	Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước	Thang màu
I	91 - 100	Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt	
II	76 - 90	Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần biện pháp xử lý phù hợp	
III	51 - 75	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	
IV	26 - 50	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	
V	10 - 25	Nước ô nhiễm nặng, cần có biện pháp xử lý trong tương lai	
VI	< 10	Nước ô nhiễm rất nặng, cần có biện pháp xử lý trong tương lai	

Các chỉ số chất lượng nước WQI tổng theo không gian tính toán được thể hiện trong bảng sau:

*Bảng 2: Chỉ số WQI của 10 vị trí quan trắc ngày 08-10/07/2025*

STT	Vị trí quan trắc	Giá trị WQI	Thang
1	VC01	87	
2	VC02	72	
3	VC03	83	
4	VC04	78	
5	VC05	82	
6	VC06	20	
7	VC07	80	
8	VC08	82	
9	VC09	87	
10	VC10	77	





Hình 10: Biểu thị chỉ số WQI tại các vị trí lấy mẫu ngày 08-10/07/2025

Dựa trên kết quả tính toán cho thấy, chất lượng nguồn nước hiện trạng ngày 08-10/07 tại hầu hết các khu vực trên toàn hệ thống có chất lượng nước tương đồng so với kỳ quan trắc ngày 25/06; nguyên nhân chất lượng nguồn nước cải thiện là do thời điểm hiện nay đang trong giai đoạn giao mùa, nước mưa là hòa tan vào trong kênh dẫn đến nồng độ các chất ô nhiễm tích tụ trong kênh rạch được pha loãng. Tại khu vực vị trí VC02 có chỉ số WQI ở mức trung bình. Riêng vị trí VC06 có chỉ số WQI thấp nhất trong vùng bởi các nguyên nhân như sản xuất, sinh hoạt, thì khu vực còn chịu ảnh hưởng nặng bởi hiện tượng phèn chua làm ảnh hưởng tới chất lượng nguồn nước.

## II. Dự báo chất lượng nước tuần từ ngày 17/07/2025 đến ngày 20/07/2025

### 1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

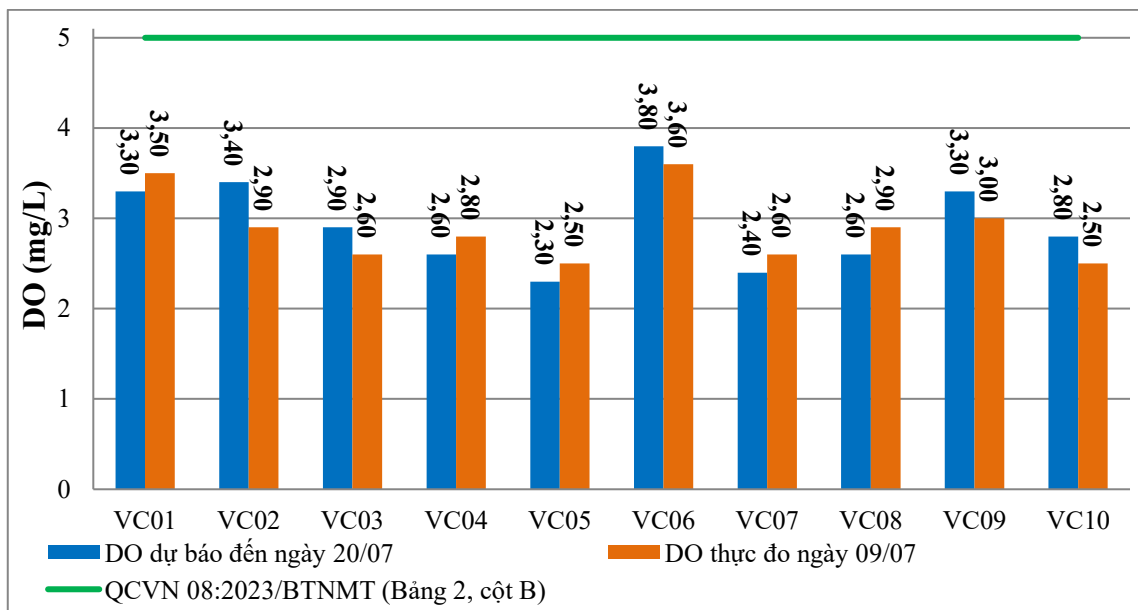
**Về Khí tượng:** có mưa dông nhiều nơi, rải rác có mưa vừa, mưa to và dông. Trong những cơn mưa dông cần đề phòng sấm sét và gió giật mạnh.

**Về Thủy văn:** Mực nước cao nhất tại các trạm vùng hạ lưu 2 sông Vàm Cỏ và khu vực nội đồng dao động xuống dần theo triều, lên chậm dần theo kỳ triều cuối tháng âm lịch, mực nước cao nhất xuất hiện ngày 23-26/07 (tức 29-06 Âm lịch (nhuận)).

### 2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

Thời gian dự báo từ ngày 17/07/2025 đến ngày 20/07/2025 với các biên chất lượng nước đầu vào là số liệu thực đo vào ngày 08-10/07/2025. Kết quả dự báo các chỉ số chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD<sub>5</sub> và Tổng N (Ni-tơ) dự báo đến ngày 20/07/2025.

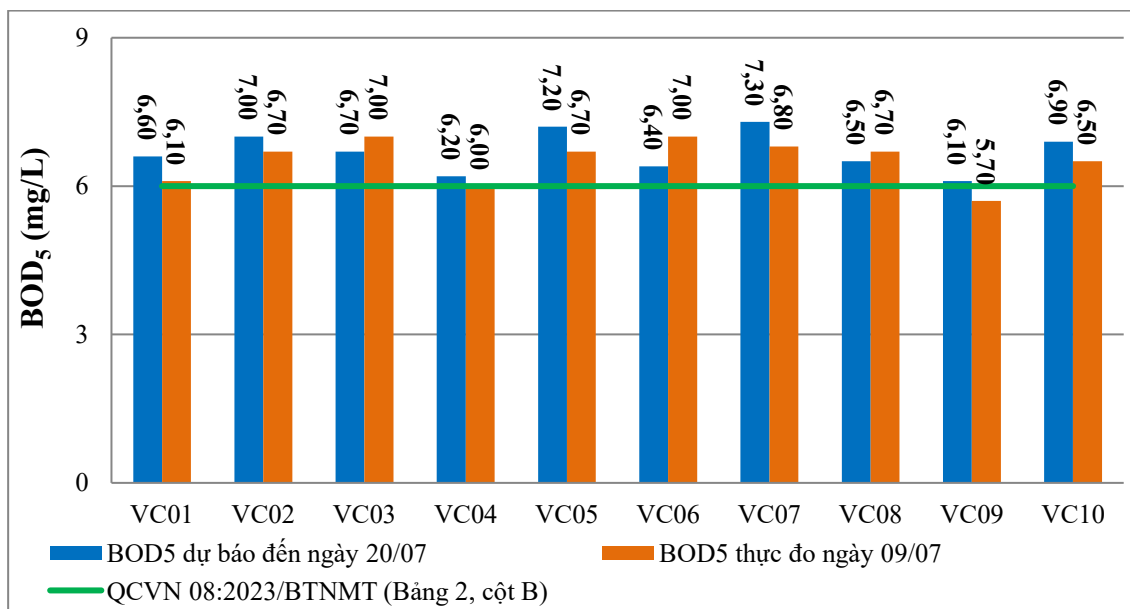
#### 2.1. Oxy hòa tan (DO)



Hình 11: Biểu đồ so sánh kết quả dự báo nồng độ DO

Kết quả dự báo hàm lượng DO đến ngày 20/07 có không chênh lệch đáng kể và giảm nhẹ so với thực đo, dao động 2,3 ÷ 3,8 mg/L, các vị trí quan trắc đều có chỉ số DO thấp hơn giới hạn theo QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2, cột B), cho thấy hàm lượng Oxy trong khu vực rất thấp ảnh hưởng tới quá trình phát triển của các sinh vật thủy sinh cũng như quá trình trao đổi chất trong nước. Nên cần có các giải pháp hỗ trợ để tăng thêm lượng Oxy hòa tan trong các ao nuôi khi lấy nước trực tiếp từ các kênh, đồng thời giải phóng các khí độc hại như dùng quạt nước hay sục thêm khí Oxy vào nước. Hiện nay, trong các ao nuôi người dân vẫn dùng quạt nước mở vào những thời điểm thích hợp để hỗ trợ tăng hàm lượng DO và làm cho dòng nước lưu thông (tránh hiện tượng phân tầng nước) giúp phân tán lượng Oxy đồng đều khắp trong không gian của ao từ bề mặt xuống đáy.

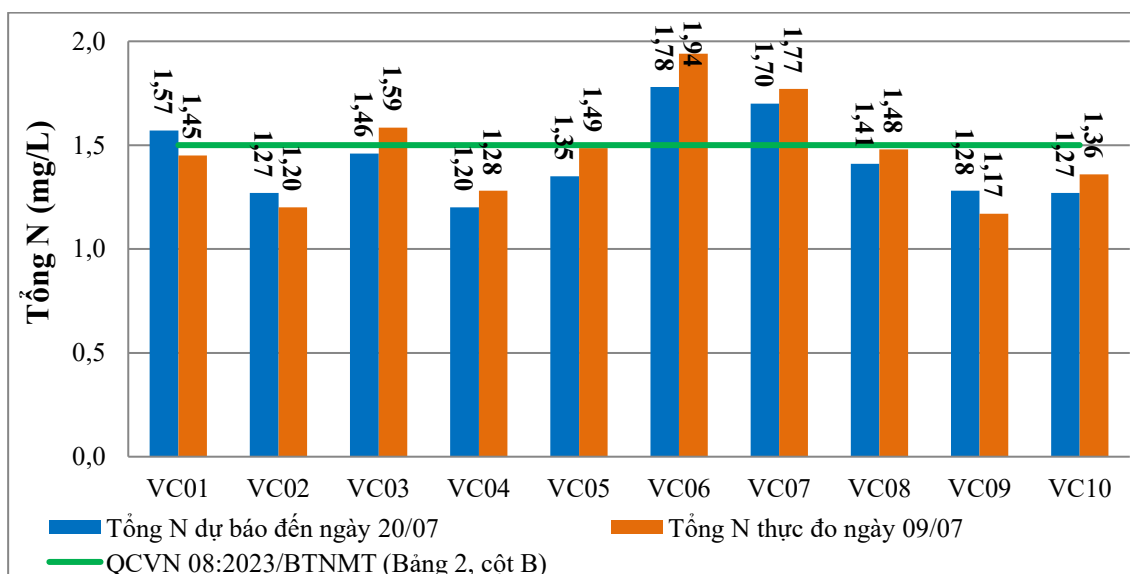
#### 2.2. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD<sub>5</sub>)



Hình 12: Biểu đồ so sánh kết quả dự báo BOD<sub>5</sub>

Kết quả dự báo BOD<sub>5</sub> đến ngày 20/07 xu thế tăng nhẹ so với thực đo ngày 08-10/07 và dao động từ 6,1 ÷ 7,3 mg/L; hầu hết các vị trí có giá trị lớn hơn giới hạn cho phép theo QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, cột B), các vị trí VC04 và VC09 có giá trị xấp xỉ ngưỡng cho phép. Với kết quả dự báo này thì nguồn nước vùng kẹp giữa sông Vàm Cỏ bị ô nhiễm hữu cơ nhẹ và vẫn trong khả năng nguồn nước có thể tự làm sạch. Chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi vùng kẹp giữa hai sông Vàm Cỏ với hàm lượng BOD<sub>5</sub> có sự chênh lệch nhiều tại các vị trí cho thấy không có sự ô nhiễm cục bộ trong hệ thống.

### 2.3. Tổng N (Ni-tơ)



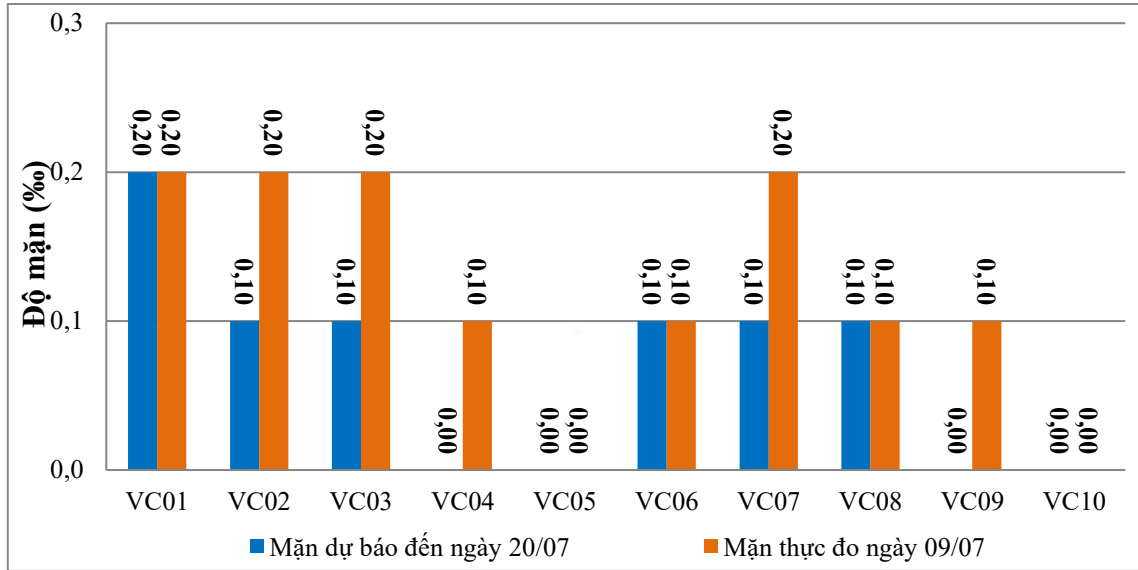
Hình 13: Biểu đồ so sánh kết quả dự báo tổng N

Kết quả tổng N dự báo đến ngày 20/07 dao động từ 1,20 ÷ 1,78 mg/L; không có sự chênh lệch quá lớn và có xu thế giảm nhẹ so với giá trị thực đo ngày 08-10/07. Hầu hết các vị trí quan trắc hàm lượng tổng N đều lớn hơn so với giới hạn cho phép theo



QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2, cột B), đặc biệt các vị trí VC06 và VC07 có giá trị tổng N lớn trong vùng. Hàm lượng tổng N trong nước cao chứng tỏ nguồn nước đã bị ô nhiễm bởi chất thải động vật trong chăn nuôi và các vi khuẩn gây bệnh.

#### 2. 4. Độ mặn



Hình 14: Kết quả dự báo độ mặn

Kết quả dự báo độ mặn đến ngày 20/07 dao động dưới mức 0,2‰ và giảm so với giá trị thực đo, thời điểm này đang trong giai đoạn đầu mùa mưa nên thường xuyên có mưa, nên xâm nhập mặn sẽ không tiến vào sâu trong 2 sông Vàm Cỏ. Thời điểm này độ mặn trên 2 sông Vàm Cỏ thấp nên các cống vùng Nhật Tảo – Tân Trụ nên mở để lấy nước phục vụ nhu cầu sản xuất. Tuy nhiên, cần chú ý và đo độ mặn thường xuyên để lấy nước từ kênh rạch vào trong đồng ruộng không bị ảnh hưởng của mặn cây trồng.

### III. Các đề xuất, kiến nghị

(1) Hàm lượng oxy hòa tan trong nước (DO) trong vùng không cao nên để đáp ứng tốt cho nhu cầu NTTS nên khuyến cáo người dân cần có các giải pháp tăng cường hàm lượng DO trong nước (bằng cách sử dụng quạt nước hoặc máy thổi khí, quạt nước hoặc thay 1 phần nước mới) giúp cho quá trình nitrate hóa diễn ra nhanh hơn.

(2) Hàm lượng TSS phù hợp cho hoạt động SXNN như tưới tiêu, nhưng nếu lấy nước để NTTS thì nên cần có biện pháp xử lý và lắng lọc trước khi cấp nước vào ao nuôi.

(3) Đề nghị cần cảnh báo các địa phương trong vùng về thực trạng ô nhiễm vi sinh do có số lượng Coliform trong nước rất cao, phải có biện pháp xử lý nếu lấy nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt, cần trọng trong việc lấy nước tưới cho các loại rau ăn sống, phải rửa sạch bằng nước muối, thuốc tím hoặc hóa chất sát khuẩn và rửa thực phẩm trước khi ăn. Ngoài ra lấy nước phục vụ nhu cầu NTTS cần phải có các biện pháp xử lý nước trước khi cấp nước vào ao nuôi để hạn chế nguồn gây bệnh từ ngoài vào trong ao.

(4) Hàm lượng tổng N (Ni-tơ) trong vùng khá cao (đặc biệt các vị trí như VC06, VC07) và bị ô nhiễm hữu cơ trong thời gian dài nên cần có biện pháp thích hợp để khơi

thông dòng chảy, cung cấp thêm ôxi hòa tan (DO) để quá trình nitrát hóa diễn ra nhanh hơn giảm ảnh hưởng của nitrit đến đời sống thủy sinh. Đồng thời phải cải tạo ao nuôi, bùn và các chất cặn bã phải được loại bỏ; quản lý cho ăn tốt tránh cho ăn dư thừa hạn chế trường hợp thức ăn dư thừa tích tụ lâu dài làm gia tăng hàm lượng Nitrite trong nước.

(5) Nguồn nước trong vùng có dấu hiệu bị ô nhiễm các chất hữu cơ (COD và BOD5), hàm lượng các chất hữu cơ có trong nước cao hơn so với mức cho phép theo QCVN 08: 2023/BTNMT (Bảng 2, cột B) nguồn nước dùng cho SXNN. Do vậy khuyến nghị, khi nồng độ mặn trên các sông chính chưa lên quá cao thì các cống trong vùng có thể vận hành mở cống tại thời điểm triều rút để tăng khả năng lưu thông nước và trung hòa nồng độ các chất ô nhiễm trong vùng dự án, đặt biệt các vị trí trên nhánh sông Vàm Cỏ Đông như VC03, VC06, VC07, VC08.

(6) Theo kết quả thực đo và dự báo độ mặn cho thấy độ mặn trong vùng có giá trị tương đồng với độ mặn cùng kỳ các năm trước đó, do vậy độ mặn trong nước vẫn đảm bảo cho trồng trọt. Thời điểm này đang trong giai đoạn đầu mùa mưa nên thường xuyên có mưa, nên xâm nhập mặn sẽ không tiến vào sâu trong 2 sông Vàm Cỏ. Thời điểm này độ mặn trên 2 sông Vàm Cỏ thấp nên các cống vùng Nhật Tảo – Tân Trụ nên mở để lấy nước phục vụ nhu cầu sản xuất. Tuy nhiên, cần chú ý và đo độ mặn thường xuyên để lấy nước từ kênh rạch vào trong đồng ruộng không bị ảnh hưởng của mặn cây trồng.

(7) Hiện nay tốc độ suy giảm chất lượng môi trường nước được dự báo ngày càng nhanh và mạnh, các vùng nuôi tôm thâm canh và quảng canh cải tiến đa số chỉ sau một thời gian ngắn là có thể xảy ra dịch bệnh vì vậy rất cần sự phối hợp của các đơn vị của Bộ NN&PTNT để kiểm soát được mặn – ngọt, kiểm soát độ mặn của nước cũng như các chỉ tiêu chất lượng nguồn nước cấp cho ao nuôi để xử lý kịp thời và kiểm soát dịch bệnh.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 2 tỉnh Long An và Tây Ninh;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc CTL (để b/c);
- Website CTL, Website Viện KHTLMN (để đăng tin);
- Lưu TT.KHCN Môi trường và Sinh thái.

